

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No. *569*/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019
 Hanoi, 25 November 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
 To: *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **22/11/2019**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Componet securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2.200	4,0%
2	BVH	100	0,5%
3	CIH	300	0,6%
4	CTD	50	0,3%
5	CTG	430	0,7%
6	DHG	10	0,1%
7	DXG	560	0,7%
8	EIB	1.520	1,9%
9	FLC	820	0,3%
10	FPT	790	3,4%
11	GAS	130	1,0%
12	GEX	590	0,9%
13	GMD	360	0,7%
14	HBC	230	0,2%
15	HCM	170	0,3%
16	HDB	1.000	2,2%
17	HPG	2.410	4,1%
18	HSG	370	0,2%



Handwritten signature

19	KBC	510	0,6%
20	MBB	1.990	3,4%
21	MSN	680	3,7%
22	MWG	410	3,6%
23	NLG	190	0,4%
24	NVL	540	2,4%
25	PDR	180	0,4%
26	PLX	150	0,7%
27	PNJ	250	1,6%
28	POW	680	0,7%
29	PVD	290	0,4%
30	PVS	300	0,4%
31	REE	240	0,7%
32	ROS	330	0,6%
33	SAB	100	1,8%
34	SBT	410	0,6%
35	SHB	1.400	0,7%
36	SSI	440	0,7%
37	STB	2.620	2,0%
38	TCB	3.300	5,9%
39	TCH	280	0,5%
40	TPB	720	1,2%
41	VCB	430	2,9%
42	VCG	100	0,2%
43	VCS	100	0,7%
44	VGC	200	0,3%
45	VHM	1.210	8,8%
46	VIC	1.120	9,9%
47	VJC	380	4,2%
48	VNM	990	9,2%
49	VPB	2.450	3,8%
50	VRE	1.520	4,1%
II	Tiền/Cash (VND)	11.189.560	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	1.295.398.800 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF	1.306.588.360 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Spread in value	11.189.560 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Plan to reduce the spread	

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	70.500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	20.400	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	87.500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	24.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	56.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	24.500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	22.400	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	113.500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	NLG	28.250	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	PNJ	82.500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



[Handwritten signature]

11	REE	37.250	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TCB	23.500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TPB	22.300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VPB	20.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 22/11/2019	Kỳ trước/Last Period 21/11/2019	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	14.000.000	14.000.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.950	13.160	-210
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	182.922.370.513	185.907.048.827	-2.984.678.314
của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit	1.306.588.360	1.327.907.491	-21.319.131
của 1 CCQ/ per Share	13.065,88	13.279,07	-213,19
Chỉ số tham chiếu/Tracking Index	1.466,13	1.478,75	-12,62



Tổ Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC